

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 471/2021/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trương Văn P, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 02 Hoài Thanh, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Lê Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: 18 Ngô Hà, phường T1, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn P và chị Lê Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 10/10/2014. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Anh Trương Văn P và chị Lê Thị T xác nhận tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Trương Văn P và chị Lê Thị T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trương Văn P và chị Lê Thị T.

[2] Về con chung: Anh Trương Văn P và chị Lê Thị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trương Phương N , sinh ngày 12/01/2011, Trương Quỳnh C, sinh ngày 18/12/2012. Hiện nay con chung đang ở với chị T. Các đương sự thỏa thuận giao cháu Trương Phương N cho anh Trương Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Trương Quỳnh C cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai

được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh Trương Văn P, chị Lê Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Trương Văn P, chị Lê Thị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Văn P, chị Lê Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 11 năm 2021, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trương Văn P và chị Lê Thị T.

- Về con chung: Giao cháu Trương P Nam, sinh ngày 12/01/2011 cho anh Trương Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Trương Quỳnh C, sinh ngày 18/12/2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Trương Văn P, chị Lê Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Trương Văn P, chị Lê Thị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Văn P, chị Lê Thị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh P và chị Thúy đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000632 ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Anh P và chị Thúy đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TP. H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường T1, TP.Huế,  
(ĐKKH số 111 ngày 10.10.2014);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

**THẨM PHÁN**

**Trương Thị Đào Vi**